TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2019
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long
2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Thái Thị T,** sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp T1, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Nguyễn Thanh D,** sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp T2, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Thái Thị T trình bày: bà và ông Nguyễn Thanh D tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2006 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D thường xuyên uống rượu, thậm chí dùng hung khí với vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D. Về con chung, ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Thanh N (nam) sinh ngày 15/5/2001 và Nguyễn Đồng V (nam) sinh ngày 17/06/2009, bà đồng ý để cháu V cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có nợ chung.

Bị đơn – ông Nguyễn Thanh D trình bày: ông và bà Thái Thị T có đăng ký kết hôn và có 02 người con chung. Do không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên ông đồng ý ly hôn và thống nhất với ý kiến của bà T nêu trong đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Thái Thị T và ông Nguyễn Thanh D xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 422/2002 ngày 30/12/2002 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 08/10/2013 bà T yêu cầu ly hôn, ông D có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của ông D để thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/5/2019, ngày 17/6/2019, ngày 29/7/2019 nhưng ông D không đến tham dự nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 27/8/2019 do bị đơn không đến, vì vậy, ngày 20/9/2019 bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Bà T nêu mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2006 do ông D thường xuyên uống rượu, bà đã cố gắng chịu đựng nhiều năm, đến năm 2013 mới về nhà cha mẹ ruột. Sau khi bà T và ông D không còn chung sống với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tìm cách hòa giải hàn gắn lại, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T yêu cầu ly hôn, ông D có văn bản đồng ý ly hôn nhưng cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham dự phiên tòa. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, ông D và bà T có 02 người con chung là Nguyễn Thanh N (nam) sinh ngày 15/5/2001 và Nguyễn Đồng V (nam) sinh ngày 17/6/2009. Cháu V hiện nay đang chung sống với cha, bà T cũng thống nhất giao con chung Nguyễn Đồng V cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông D không có yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thái Thị T với ông Nguyễn Thanh D.

- *Về con chung:* Nguyễn Thanh N (nam) sinh ngày 15/5/2001 đã thành niên; giao Nguyễn Đồng V (nam) sinh ngày 17/6/2009 cho ông Nguyễn Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Thái Thị T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 005228 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- UBND xã L;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa